TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-01-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc: Tranh chấp "Hôn nhân và gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1992 (Có mặt).

Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1992 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu 0, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2021; tại bản tự khai; quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị Vũ Văn Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 20/11/2013. Sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng ở cùng bố mẹ đẻ anh T tại xã T. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ham chơi, không

chịu làm ăn và còn có hành vi bạo lực đối với chị. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng anh T không thay đổi dẫn tới với chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; nên vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Vũ Khánh V, sinh ngày 08/11/2014; hiện nay con chung đang ở cùng anh T. Chị đồng ý để con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng theo đề nghị của anh T khi vợ chồng ly hôn. Tại phiên tòa, chị đề nghị cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đồng/con/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02/2022 đến khi con chung thành niên lao động tự túc được; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 10 năm 2021; quá trình giải quyết tại Tòa án cũng như tại phiên tòa; bị đơn anh Vũ Văn T có quan điểm trình bày: Anh xác định thời điểm kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng như chị H đã trình bày trên là đúng.

Anh thừa nhận trong quá trình vợ chồng chung sống, anh còn ham chơi, chưa hoàn thành trách nhiệm của người chồng là nguyên nhân dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn. Tuy nhiên, nay anh đã biết lỗi của mình, anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi con, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Anh T thừa nhận vợ chồng có một con chung như chị H đã trình bày. Anh đề nghị, nếu vợ chồng phải ly hôn thì anh xin được trực tiếp nuôi con chung và đồng ý để chị H cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/con/tháng; thời điểm cấp dưỡng từ tháng 02/2022 đến khi con chung thành niên như chị H đề nghị.

Về tàu sản chung, quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật. Bị đơn khi tiếp cận tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa vắng mặt đều

vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 58, Điều 81, 82, 83; 107, 109 và 110; 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Vũ Văn T.

V*ề con chung:* Giao con chung là Vũ Khánh V, sinh ngày 08/11/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02/2022 đến khi con chung thành niên lao động tự túc được như anh chị đã thỏa thuận. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Các bên không đề nghị xem xét nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H xin được ly hôn anh Vũ Văn T thấy rằng: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 20/11/2013, đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của các đương sự cũng như kết quả xác minh tình trạng hôn tại Ủy ban nhân dân xã T thấy rằng: Trong cuộc sống vợ chồng anh chị thường xuyên đi làm ăn, không ở địa phương nên địa phương không xác định được mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh T thừa nhận nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do anh ham chơi, không chịu làm ăn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn, nhưng anh T cũng không có biện pháp nào thuyết phục chị H để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi con và xây dựng hạnh phúc gia đình.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

[2]. Về con chung: Chị H và anh T có một con chung là Vũ Khánh V, sinh ngày 08/11/2014, hiện nay con chung đang ở cùng anh T. Trong khi đó, cháu V cũng có nguyện vọng được trực tiếp ở với anh T nếu vợ chồng ly hôn và chị H cũng nhất trí để con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định cho con chung, cần giao con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Để đảm bảo quyền lợi của con chung, chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Căn cứ kết quả xác minh thu nhập bình quân đầu người tại xã T năm 2021 là 34.800.000đồng/người/năm. Do chị H, anh T thỏa thuận mức cấp dưỡng mức 1.500.000đồng/tháng; thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02/2022 đến khi con chung thành niên lao động tự túc được; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị H và anh T không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 81, 82, 83; 107, 109; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Vũ Văn T.

2. *Về con chung:* Giao cho anh Vũ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Khánh V, sinh ngày 08/11/2014. Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2022 đến khi con chung thành niên. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

3. Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007635 ngày 15/10/2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H và anh T có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Tùng Khê;
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hưởng